

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT, TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HS-ST

Ngày 20/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai.

Ông Cán Xuân Lĩnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/TLST-HS ngày 9 tháng 7 năm 2024; theo Quyết định đưa ra xét xử số: 89/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2007 tại huyện TT, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị B; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức K:

- Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1987 (là bố đẻ).

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984 (là mẹ đẻ). Có mặt tại phiên tòa.

Cùng trú tại: thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

2. Trần V, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2007 tại huyện SS, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: thôn 2B, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần S và bà Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Trần V:

- Ông Trần S, sinh năm 1982 (là bố đẻ).

Trú tại: xã PL, huyện SS, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (là mẹ đẻ). Có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: thôn 2B, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V là bà Nguyễn Thị V – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.*
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 12/2023, Nguyễn Đức K quen biết đối tượng trên mạng xã hội Facebook và đặt mua 100.000 đồng thuốc pháo. Sau đó K học cách chế tạo pháo nổ trên mạng xã hội, chuẩn bị vỏ ô li, keo dán 502, giấy nilon, thìa, dây dẫn cháy và tự chế 08 quả pháo nổ với mục đích đem đi đốt.

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 06/12/2023, K điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 29V7 – 605.76 đến nhà Trần V rủ V đi chơi, khi đi trên đường K nói với V: “*đi đốt pháo không?*” thì V đồng ý. K chở V về nhà mình ở thôn 2A, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội để lấy pháo. K lấy ra một túi bóng đen bên trong có 08 quả pháo tự chế, bật lửa thì V có sẵn. K đưa cho V cầm pháo ngồi sau và điều khiển xe máy chở V đi đường liên xã sang xã HB, huyện TT. Khi đi đến gần trụ sở UBND xã HB, lúc này trên đường có nhiều người đi lại. K điều khiển xe chậm lại và nói với V: “*đốt quả ở đây*”. V nói “*ở đây tắc đường đừng có đốt*”. K nói: “*cứ đốt đi*”, sau đó V lấy bật lửa châm pháo ném ra đường và quả pháo phát nổ. K chở V về nhà cất giấu số pháo còn lại.

Công an xã HB tiến hành truy xét, triệu tập K và V lên trụ sở làm việc.

* Tang vật thu giữ:

- 07 ống hình trụ tròn, mỗi ống hình trụ dài 07cm; đường kính 2,7cm.
- 01 đoạn video có độ dài 30 giây được Công an xã HB trích xuất, thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 819/KLGD-PC09 ngày 22/01/2024 của Phòng PC09 – Công an thành phố Hà Nội kết luận: 07 ống hình trụ tròn, mỗi ống dài 07cm; đường kính 2,7cm đều là pháo nổ, tổng khối lượng là 234,806gam.

Nguyễn Đức K có hành vi chế tạo, tàng trữ trái phép pháo nổ. Tuy nhiên trọng lượng pháo không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo K về tội “Sản xuất hàng cấm” và “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại Điều 190 và Điều 191 Bộ luật hình sự.

Ngày 22/5/2024, Chủ tịch UBND huyện TT đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2589/QĐ-XPVPHC đối với Nguyễn Đức K số tiền 7.500.000 đồng về hành vi “*Tàng trữ trái phép pháo*” được quy định tại điểm e, khoản 4, điều 11 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/01/2021 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 29V7-605.76 mà K dùng để chở V thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra, xác minh đã xác định được là của bà Nguyễn Thị B (là mẹ của K), bà B khai mua chiếc xe này để sử dụng, ngày 06/12/2023, K tự ý lấy xe máy đi đâu, làm gì, cùng với ai bà không biết. Cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe cho bà B là có căn cứ.

Đối với tài khoản Facebook đã bán thuốc pháo cho K, do K không nhớ trang mạng xã hội đó, ngoài lời khai của K thì không còn tài liệu nào khác, do đó, không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 73/CT-VKS ngày 02/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K từ 08 (*tám*) tháng đến 10 (*mười*) tháng cải tạo không giam giữ; Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần V từ 06 (*sáu*) tháng đến 08 (*tám*) tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt

bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng và án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V trình bày các bị cáo nhất thời phạm tội, tuổi đời còn trẻ nên am hiểu pháp luật hạn chế, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điều luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ đó áp dụng mức hình phạt thấp hơn so với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V khai nhận toàn bộ hành vi như bản Cáo trạng đã nêu, các bị cáo đề Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất, được cải tạo tại địa phương, hứa cải tạo tốt, không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Đức K đặt mua trên mạng thuốc pháo và tự chế 08 quả pháo nổ. Ngày 06/12/2023 K cùng V mang pháo đi đốt và ném ra đường. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại đại bàn xã HB, huyện TT.

Hành vi đốt pháo nơi công cộng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc Nhà nước nghiêm cấm đốt pháo, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 02/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo trong vụ án. Mặc dù các bị cáo không tổ chức, bàn bạc, phân công, vụ án đồng phạm giản đơn nhưng khi lượng hình cũng cần phân hóa để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Bị cáo Nguyễn Đức K là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy hành vi của bị cáo K có tính chất và mức độ nguy hiểm cao nhất. Bị cáo Trần V có hành vi đồng phạm, giúp sức.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V khi thực hiện hành vi phạm tội đều dưới 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý đối với người dưới 18 tuổi để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 91 và Điều 100 Bộ luật hình sự. Các bị cáo K và V có địa chỉ và chỗ ở rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Tiêu hủy 07 ống hình trụ tròn, mỗi ống hình trụ dài 07cm; đường kính 2,7cm; Lưu 01 đoạn video có độ dài 30 giây được Công an xã HB trích xuất, thu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Nguyễn Đức K 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện TT, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức K cho UBND xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo Nguyễn Đức K có trách nhiệm phối hợp với UBND xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trần V 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện TT, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần V cho UBND xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo Trần V có trách nhiệm phối hợp với UBND xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tiêu hủy 07 (bảy) ống hình trụ tròn, mỗi ống hình trụ dài 07cm; đường kính 2,7cm.

(tình trạng vật chứng theo biên bản chuyển vật chứng vụ án hình sự ngày 05/07/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện TT và Chi Cục thi hành án dân sự huyện TT).

3. Về án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Đức K và Trần V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người đại diện hợp pháp của các bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Công an huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã CN; huyện TT;
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tất Thành